

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 12 NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

Đơn vị tính: đồng

							Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/Loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
1	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3		Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam	Giá tại nơi bán: Tại Ứng Sơn					182.000				
2	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3		Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam	Giá tại nơi bán: Tại Ứng Sơn					141.000				
3	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3		Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam	Giá tại nơi bán: Tại Ứng Sơn					132.000				
4	Đá xây dựng	Đá hộc	m3		Công ty TNHH Khai thác đá CNI	Việt Nam	Giá tại nơi bán: Tại Ứng Sơn					127.000				
5	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	15.000								
6	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	11.600								
7	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	13.100								
8	Nhựa đường	Nhũ tương gốc Axit 60% xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	12.100								
9	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	13.100								
10	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	19.100								
11	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB3 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	19.400								
12	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC70 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	20.100								
13	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	17.300								
14	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	14.100								
15	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	15.600								
16	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	15.600								

							Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
17	Nhựa đường	Nhựa đường lòng MC70 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Cửa Lò, Nghệ An	22.600								
18	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	14.600								
19	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	11.300								
20	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	12.800								
21	Nhựa đường	Nhũ tương gốc Axit 60% xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	11.800								
22	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	12.800								
23	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB1 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	18.700								
24	Nhựa đường	Nhựa đường polime PMB3 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	19.000								
25	Nhựa đường	Nhựa đường lòng MC70 xá	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	19.700								
26	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	16.700								
27	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS1 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	13.800								
28	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CSS1 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	15.300								
29	Nhựa đường	Nhựa đường nhũ tương CRS2 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	15.300								
30	Nhựa đường	Nhựa đường lòng MC70 phuy	kg		Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Việt Nam	Giá tại Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	22.200								
31	Thép xây dựng	Thép cuộn D6, D8	kg	CB240T	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	13.700								

							Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
32	Thép xây dựng	Thép cuộn D8	kg	CB300V	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	13.750								
33	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10	kg	CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.100								
34	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12,D13	kg	CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	13.850								
35	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14÷D25	kg	CB300V/ SD295A/Gr40	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	13.800								
36	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10	kg	CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.550								
37	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12,D13	kg	CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.250								
38	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D14÷D32	kg	CB400V/ CB500V/Gr60	Công ty TNHH Thép Kyoei Việt Nam	Việt Nam	Giá bán tại các cửa hàng VLXD ở các thị trấn; các phường của TX Ba Đồn; các xã, phường của TP. Đồng Hới	14.150								
39	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 01/12/2024 đến ngày 05/12/2024	18.391								
40	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 01/12/2024 đến ngày 05/12/2024	17.400								

							Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT))									
STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/L loại vật liệu xây dựng	Đơn vị	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Ghi chú	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Huyện Lệ Thủy	Huyện Minh Hóa	Huyện Quảng Ninh	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Thành Phố Đồng Hới	Thị xã Ba Đồn
41	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 06/12/2024 đến ngày 12/12/2024	18.409								
42	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 06/12/2024 đến ngày 12/12/2024	17.036								
43	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 13/12/2024 đến ngày 19/12/2024	18.409								
44	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 13/12/2024 đến ngày 19/12/2024	16.918								
45	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 20/12/2024	18.764								
46	Vật liệu khác	Điezen 0,05S-II	lít				Giá tại nơi bán từ ngày 20/12/2024	17.364								